

1.23 Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|--------------------------|--------------------|----------|---|
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã khách hàng tổ chức (CIF) |
| 2 | TenToChuc | String (150 ký tự) | x | Tên tổ chức |
| 3 | SoGiayPhepThanhLap | String (15 ký tự) | x | Số giấy phép thành lập |
| 4 | LoaiGiayToThanhLapToChuc | Integer | x | Loại giấy tờ thành lập tổ chức. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 2. Giấy phép thành lập tổ chức; 3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 4. Giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập khác. |
| 5 | NgayThanhLap | String (10 ký tự) | x | Ngày thành lập. Định dạng DD/MM/YYYY. |
| 6 | DiaChiToChuc | String (300 ký tự) | x | Địa chỉ của tổ chức |
| 7 | HoTenNguoiDaiDien | String (150 ký tự) | x | Họ và tên người đại diện hợp pháp |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|-----------------------|-------------------|----------|--|
| 8 | SoGiayToTuyThan | String (15 ký tự) | x | Số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp |
| 9 | LoaiGiayToTuyTha n | Integer | x | Loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như bên dưới: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 10 | NgaySinh | String (10 ký tự) | x | Ngày tháng năm sinh của người đại diện hợp pháp |
| 11 | GioiTinh | Integer | x | Giới tính của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2 được mô tả như bên dưới: 0. Nữ; 1. Nam; 2. Khác. |
| 12 | QuocTich | String (36 ký tự) | x | Quốc tịch của người đại diện hợp pháp. Tối đa 36 ký tự. |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|-----------|-------------------|---------------------|-----------------|---|
| 13 | DienThoai | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại người đại diện hợp pháp. Tối đa 15 ký tự từ số 0 đến số 9 |
| 14 | SoTaiKhoanToChuc | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9 |
| 15 | NgayMoTaiKhoan | String (10 ký tự) | x | Ngày mở tài khoản. Định dạng DD/MM/YYYY. |
| 16 | TrangThaiTaiKhoa | Integer | x | Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 17 | DiaChiMAC | String (60 ký tự) | x | Địa chỉ định danh thiết bị (MAC) của thiết bị truy cập Internet Banking của tổ chức. Tối đa 60 ký tự. |
| 18 | SO_IMEI | String (36 ký tự) | x | Mã số nhận dạng thiết bị di động (IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile Banking của tổ chức. Tối đa 36 ký tự. |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|-----------|-------------------|---------------------|--|
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |

| | | | |
|---|---------|---------|--|
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |
|---|---------|---------|--|

- Chi tiết dịch vụ:

| | |
|------------------------|---|
| Địa chỉ kết nối | |
| URL | https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tktt-khdn-api |
| Request header | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| Method | POST |
| Content-Type | application/json |
| Authorization | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| Request Body | |
| Body | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo) |
| Response Body | |
| Body | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

1.24 Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|--------------------|--------------------|----------|--|
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã khách hàng tổ chức (CIF) |
| 2 | TenToChuc | String (150 ký tự) | x | Tên tổ chức |
| 3 | SoGiayPhepThanhLap | String (15 ký tự) | x | Số giấy phép thành lập |
| 4 | SoTaiKhoanToChuc | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9 |
| 5 | TrangThaiTaiKhoan | Integer | x | Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 6 | NghiNgo | Integer | x | Loại nghi ngờ của tài khoản. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận. 1 - Thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán của tổ chức, người đại diện hợp pháp của tổ chức không trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|------------|--------------|----------|---|
| | | | | <p>gia.</p> <p>2 - Tài khoản thanh toán tổ chức nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.</p> <p>3- Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</p> <p>4- Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...</p> <p>5- Tổ chức/tài khoản thanh toán/người đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6- Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (giá trị, số lượng, tần suất, thời gian, địa điểm giao dịch bất thường; không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lịch sử giao dịch của tổ chức).</p> <p>7- Một địa chỉ MAC của thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản</p> |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|------------|--------------|----------|---|
| | | | | thanh toán. 8- Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|----|------------|--------------|--|
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- Chi tiết dịch vụ:

| | |
|------------------------|--|
| Địa chỉ kết nối | |
| URL | https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cai-tktt-khcn-nngl-api |
| Request header | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| Method | POST |
| Content-Type | application/json |
| Authorization | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| Request Body | |
| - Body | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| Response Body | |
| Body | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

1.25 Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|--------------------|--------------------|----------|--|
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã khách hàng tổ chức (CIF) |
| 2 | TenToChuc | String (150 ký tự) | x | Tên tổ chức |
| 3 | SoGiayPhepThanhLap | String (15 ký tự) | x | Số giấy phép thành lập |
| 4 | SoTaiKhoanToChuc | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9 |
| 5 | TrangThaiTaiKhoan | Integer | x | Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 6 | NghiNgo | Integer | x | Loại nghi ngờ của tài khoản. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận. 1 - Thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán của tổ chức, người đại diện hợp pháp của tổ chức không trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|------------|--------------|----------|---|
| | | | | <p>gia.</p> <p>2 - Tài khoản thanh toán tổ chức nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.</p> <p>3- Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</p> <p>4- Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...</p> <p>5- Tổ chức/tài khoản thanh toán/người đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6- Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (giá trị, số lượng, tần suất, thời gian, địa điểm giao dịch bất thường; không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lịch sử giao dịch của tổ chức).</p> <p>7- Một địa chỉ MAC của thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản</p> |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|-------------|--------------------|----------|---|
| | | | | thanh toán. 8- Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |
| 7 | LyDoCapNhat | String (500 ký tự) | | Lý do cập nhật. Tối đa 500 ký tự. |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|----|------------|--------------|--|
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- Chi tiết dịch vụ:

| | |
|------------------------|---|
| Địa chỉ kết nối | |
| URL | https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cau-cap-nhat-tktt-khnd-nngl-api |
| Request header | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| Method | POST |
| Content-Type | application/json |
| Authorization | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| Request Body | |
| - Body | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| Response Body | |
| Body | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

1.26 Dịch vụ cập nhật lại thông tin khách hàng mở TKTT của tổ chức

- Đặc tả đầu vào API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|--------------------------|--------------------|----------|---|
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã khách hàng tổ chức (CIF) |
| 2 | TenToChuc | String (150 ký tự) | x | Tên tổ chức |
| 3 | SoGiayPhepThanhLap | String (15 ký tự) | x | Số giấy phép thành lập |
| 4 | LoaiGiayToThanhLapToChuc | Integer | x | Loại giấy tờ thành lập tổ chức. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 2. Giấy phép thành lập tổ chức; 3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 4. Giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập khác. |
| 5 | NgayThanhLap | String (10 ký tự) | x | Ngày thành lập. Định dạng DD/MM/YYYY. |
| 6 | DiaChiToChuc | String (300 ký tự) | x | Địa chỉ của tổ chức |
| 7 | HoTenNguoiDaiDien | String (150 ký tự) | x | Họ và tên người đại diện hợp pháp |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|----|-----------------------|-------------------|----------|--|
| 8 | SoGiayToTuyThan | String (15 ký tự) | x | Số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp |
| 9 | LoaiGiayToTuyTha n | Integer | x | Loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như bên dưới: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 10 | NgaySinh | String (10 ký tự) | x | Ngày tháng năm sinh của người đại diện hợp pháp |
| 11 | GioiTinh | Integer | x | Giới tính của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2 được mô tả như bên dưới: 0. Nữ; 1. Nam; 2. Khác. |
| 12 | QuocTich | String (36 ký tự) | x | Quốc tịch của người đại diện hợp pháp. Tối đa 36 ký tự. |

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Mô tả |
|-----------|-------------------|---------------------|-----------------|---|
| 13 | DienThoai | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại người đại diện hợp pháp. Tối đa 15 ký tự từ số 0 đến số 9 |
| 14 | SoTaiKhoanToChuc | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9 |
| 15 | NgayMoTaiKhoan | String (10 ký tự) | x | Ngày mở tài khoản. Định dạng DD/MM/YYYY. |
| 16 | TrangThaiTaiKhoa | Integer | x | Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 17 | DiaChiMAC | String (60 ký tự) | x | Địa chỉ định danh thiết bị (MAC) của thiết bị truy cập Internet Banking của tổ chức. Tối đa 60 ký tự. |
| 18 | SO_IMEI | String (36 ký tự) | x | Mã số nhận dạng thiết bị di động (IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile Banking của tổ chức. Tối đa 36 ký tự. |

- Đặc tả đầu ra API:

| TT | Tên trường | Kiểu dữ liệu | Mô tả |
|-----------|-------------------|---------------------|--|
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |

| | | | |
|---|---------|---------|--|
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |
|---|---------|---------|--|

- Chi tiết dịch vụ:

| | |
|------------------------|---|
| Địa chỉ kết nối | |
| URL | https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tktt-khdn-api |
| Request header | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| Method | POST |
| Content-Type | application/json |
| Authorization | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| Request Body | |
| Body | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo) |
| Response Body | |
| Body | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |